

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS - ST  
Ngày 02 - 12 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Đình Thái và bà Lò Thị Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS, ngày 14/11/2022 đối với các bị cáo:

Quàng Thị Đ; tên gọi khác không; sinh năm 1963, tại huyện Y, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Ngựa, xã Chiềng Păn, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 40 ngày 22/6/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Y); con ông Quàng Văn T và con bà Quàng Thị M (đã chết); chồng: Lương Văn V; con: 02 con, con lớn sinh năm 1986 và con nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2022 cho đến nay. Có mặt Tại phiên tòa.

*Bi hại:* Anh Trần Đức Đ1; sinh năm 1983; nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 8/2021, bị cáo Quàng Thị Đ biết được Trần Đức Đ1 trú tại Tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La đang có nhu cầu xin việc. Do bị cáo đang có nợ nần, nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đ1. Cuối tháng

8/2021, bị cáo Quảng Thị Đ đến nhà Đ1 mua hàng và đưa ra thông tin gian dối rằng bản thân có khả năng xin cho Đ1 làm việc tại các cơ quan Nhà nước, Đ1 tin tưởng và đồng ý nhờ bị cáo Đ xin việc giúp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La. Khoảng một tuần sau, bị cáo Đ gọi điện cho Đ1 nói rằng Ngân hàng Nông nghiệp đang có chỉ tiêu tuyển dụng và yêu cầu Đ1 hoàn thiện hồ sơ xin việc. Ngày 08/9/2021, bị cáo Đ đến nhà Đ1 nhận hồ sơ xin việc và đưa ra số tiền để xin việc là 500.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu Đ1 giao trước số tiền 300.000.000 đồng để đặt cọc, số tiền còn lại sẽ giao sau khi có Quyết định đi làm, Đ1 đồng ý. Đến ngày 23/11/2021, bị cáo Đ đến nhà Đ1 để nhận số tiền 300.000.000 đồng. Bị cáo viết giấy giao nhận với nội dung nhận số tiền 300.000.000 đồng để xin việc cho Đ1, thời hạn xin việc đến hết tháng 02/2022, nếu không xin được việc sẽ hoàn trả số tiền đã nhận. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của Đ1, bị cáo Đ đã lấy tiền đi trả nợ cho ông Trần Đức Thịnh trú tại Tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La, còn hồ sơ mang về cất tại nhà, không nộp hồ sơ vào cơ quan tuyển dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sơn La. Đến nay bị cáo không xin được việc cho Đ1, cũng không trả lại số tiền 300.000.000 đồng.

Bị hại Trần Đức Đ1 giao nộp cho cơ quan điều tra số vật chứng gồm: 01 giấy giao nhận hồ sơ xin việc giúp cho cháu Trần Đức Đ1 vào ngân hàng ngày 08/9/2021; 01 giấy biên nhận giao tiền và hồ sơ xin việc cho cháu Đ1 ngày 23/11/2021; 01 bản cam kết xin khất trả lại tiền xin việc cho cháu Trần Đức Đ1 lần 1 ngày 05/3/2022; 01 bản cam kết xin khất trả lại tiền xin việc cho cháu Trần Đức Đ1 lần 2 ngày 07/4/2022.

Ngày 17/5/2022, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định: Chữ viết, chữ ký mang tên Quảng Thị Đ trong mẫu giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký mang tên Quảng Thị Đ trong mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người viết, ký ra không?

Tại kết luận giám định số: 873 ngày 20/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Quảng Thị Đ trên mẫu giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký mang tên Quảng Thị Đ trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 61/CT- VKS- YC, ngày 06/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Quảng Thị Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo Quảng Thị Đ phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Quảng Thị Đ từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Quàng Thị Đ trả lại cho anh Trần Đức Đ1 số tiền 300.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Quàng Thị Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của bị cáo Quàng Thị Đ trình bày: Nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của bị hại Trần Đức Đ1 trình bày: Đề nghị bị cáo Quàng Thị Đ phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt, về hình phạt nhất trí đề nghị xử phạt bị cáo mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Bị cáo Quàng Thị Đ nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với cộng đồng trở thành công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Quàng Thị Đ, có đủ cơ sở khẳng định: Tháng 8/2021, bị cáo Quàng Thị Đ biết Trần Đức Đ1 có nhu cầu xin việc làm. Do cần tiền để trả nợ, bị cáo đã gặp Trần Đức Đ1 đưa ra thông tin gian dối là có khả năng xin việc vào Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La với số tiền 500.000.000 đồng. Tin lời bị cáo Quàng Thị Đ, ngày 8/9/2021 Trần Đức Đ1 đã đưa một bộ hồ sơ xin việc và đến ngày 23/11/2021 đưa trước 300.000.000 đồng cho bị cáo Quàng Thị Đ. Sau khi nhận hồ sơ xin việc và tiền của Trần Đức Đ1, bị cáo không đi xin việc cho Trần Đức Đ1 như hứa hẹn mà dùng số tiền 300.000.000 đồng đi trả nợ và mang hồ sơ xin việc về cất ở nhà. Khi Trần Đức Đ1 phát hiện, bị cáo không xin được việc như đã hứa, yêu cầu bị cáo trả lại tiền, nhưng bị cáo Quàng Thị Đ không có khả năng trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, song cố ý phạm tội. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Quàng Thị Đ dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của người khác đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, như bản cáo trạng của Viện

kiểm sát là có căn cứ. Việc xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Quảng Thị Đ là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng là tài sản lớn của bị hại. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng có mức hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trước khi phạm tội bị cáo có thời gian dài làm việc trong cơ quan nhà nước, đã được nghỉ hưu. Quá trình điều tra tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố đẻ Quảng Văn T và mẹ đẻ bà Quảng Thị M được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba. Vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội thuộc tội rất nghiêm trọng, cần áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa thấy rằng bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập sống bằng đồng lương hưu, ngoài ra không có thu nhập gì khác. không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại Trần Đức Đ1 300.000.000 đồng đến nay chưa trả. Việc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là có căn cứ. Cần vận dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Quảng Thị Đ trả lại cho anh Trần Đức Đ1 số tiền 300.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Quảng Thị Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Xử phạt bị cáo Quảng Thị Đ 09 năm (Chín năm) tù. Thời gian thụ hình, tính từ ngày 10/6/2022 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Quảng Thị Đ trả lại cho anh Trần Đức Đ1 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Quảng Thị Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng. Tổng cộng cả hai loại án phí là 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bộ phận NVCA huyện Y;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn Tùng**

